UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2007/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 02 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2007

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2007 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm kế hoạch và năm ngân sách 2007.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- T.T Tỉnh uỷ;
- T.T HĐND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- UBMTTQ, các Đoàn thể;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Trưởng, Phó phòng, các CV;
- Lưu: VT (Ha.200).

Báo cáo

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Thị Quang

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2007

(kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 12/02/2007 của UBND tỉnh)

A. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. Phát triển công nghiệp

1. Tiếp tục tập trung thực hiện Nghị quyết số 02 - NQ/TU ngày 12/6/2006 của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2006- 2010. Phát huy công suất các nhà máy, đẩy mạnh sản xuất sản phẩm công nghiệp như: thép cán, xi măng, fenspat, đường kính...; các mặt hàng xuất khẩu (bột barit, chè, gỗ chế biến...), phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp trên 1.350 tỷ đồng.

2. Tập trung hoàn thành giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư xây dựng Nhà máy bột giấy và giấy An Hòa; đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án sản xuất phôi thép; hoàn thành các dự án: nhà máy xi măng Tuyên Quang, nhà máy chế biếnăng ti mon; đưa vào sản xuất, phát huy công suất nhà máy nghiền bột barit tại Khu công nghiệp Long Bình An, nhà máy nghiền bột barit Cụm công nghiệp Sơn Nam; nhà máy sản xuất cao lanh-fenspat, nhà máy luyện ferro mangan...

Rà soát năng lực các chủ đầu tư, thay thế các chủ đầu tư không đủ năng lực; xúc tiến đầu tư các dự án công nghiệp mới.

Hàng tháng, Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành liên quan giao ban với các chủ dự án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

3. Quy hoạch chi tiết, đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Long Bình An; quy hoạch các cụm, điểm công nghiệp ở các huyện, thị xã. Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển thủ công nghiệp; cơ chế, chính sách phát triển thủ công nghiệp, làng nghề.

II. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

1. Tăng cường công tác quản lý thị trường; phấn đấu năm 2007, tổng mức bán lẻ hàng hoá xã hội tăng 21% so với năm 2006. Hoàn thành quy hoạch hệ thống chợ đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý khai thác chợ, nhất là các chợ đầu mối; xúc tiến đầu tư siêu thị tại thị xã Tuyên Quang. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Thành lập Quỹ hỗ trợ xúc tiến thương mại tỉnh Tuyên Quang; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình xúc tiến du lịch - thương mại giai đoạn 2007-2010.

2. Phát huy lợi thế, đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng có thế mạnh của tỉnh như chè, bột barit, gỗ tinh chế; mở rộng thị trường để xuất khẩu các sản phẩm khác, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu trên 15 triệu USD.

3. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 12/6/2006 của Tỉnh uỷ về phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006-2010. Triển khai quy hoạch Khu du lịch lịch sử văn hoá và sinh thái quốc gia Tân Trào, Khu du lịch sinh thái Na Hang và các điểm du lịch theo quy hoạch; quy hoạch các tua, tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh; ban hành ban hành cơ chế khuyến khích phát triển du lịch. Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; thực hiện đề án phát triển hạ tầng tại các Khu du lịch; khuyến khích, thu hút đầu tư các dự án du lịch; phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ du lịch. Tổ chức tốt 3 Tuần văn hoá - du lịch Tuyên Quang năm 2007 theo kế hoạch.

Phối hợp với tỉnh Hà Giang và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) hoàn thiện các thủ tục triển khai cho xe chở khách du lịch Trung Quốc quá cảnh tới Tuyên Quang.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thương mại và Du lịch, UBND các huyện: Sơn Dương, Na Hang trình UBND tỉnh thành lập Ban Quản lý khu du lịch lịch sử, văn hoá và sinh thái quốc gia Tân Trào, Ban Quản lý Khu du lịch sinh thái Na Hang.

4. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ theo Chỉ thị số 49/2004/CT-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển dịch vụ trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải...

III. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn

1. Phấn đấu giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thuỷ sản tăng trên 7% so với năm 2006; sản lượng lương thực trên 31,7 vạn tấn. Thực hiện có hiệu quả Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Quy hoạch các vùng chuyên canh tập trung (lạc, chè, mía...).

2. Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ, bảo đảm chất lượng giống, vật tư nông lâm nghiệp. Chỉ đạo kiên quyết về thời vụ sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật thâm canh, thuỷ lợi.

3. Quy hoạch vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; quy hoạch phát triển nuôi trồng thuỷ sản đến năm 2010; khẩn trương lập dự án phát triển nuôi trồng thuỷ sản lòng hồ Thuỷ điện Tuyên Quang.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm, dịch bệnh lở mồm long móng gia súc. Chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y; ngăn chặn và xử lý kịp thời việc vận chuyển và buôn bán gia súc, gia cầm bị bệnh; xử lý nghiêm hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về thú y.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp giải quyết tồn tại, tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt Brahman. Kiện toàn đội ngũ cán bộ trong chăn nuôi, mạng lưới thú y.

4. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020. Xác định rõ ranh giới phân 3 loại rừng trên bản đồ, hoàn thành cắm mốc ngoài thực địa; giao đất, giao rừng cho nhân dân phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, UBND các huyện nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh thành lập một số Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

5. Hoàn thành Quy hoạch thuỷ lợi đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư các công trình thuỷ lợi trọng điểm: Hàm Yên, Chiêm Hoá, Thác Dẫng - Đèo Chắn (huyện Sơn Dương); triển khai xây dựng công trình kè bảo vệ bờ sông Phó Đáy; chuẩn bị đầu tư dự án kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thị xã Tuyên Quang.

6. Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển nông thôn mới; quy hoạch phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2020.

Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn từ nguồn vốn Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, Dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn...; phấn đấu trên 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

7. Thực hiện trợ giá giống lúa lai, ngô lai cho nhân dân tại các xã thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ; hộ nghèo tại các xã hoàn thành cơ bản mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn I theo Quyết định số 163/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Xây dựng kế hoạch và tổ chức di chuyển dân cư ở những nơi cần thiết; năm 2007 phấn đấu cơ bản hoàn thành di chuyển các hộ dân tại vùng nguy hiểm do thiên tai.

B. CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ; NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ; PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

I. Cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh thu hút đầu tư

1. Tập trung thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; rà soát, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh; công bố danh mục dự án gọi vốn đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh giải phóng mặt bằng, giao đất để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

3. Xây dựng và thực hiện Chương trình vận động, thu hút, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); viện trợ phi chính phủ.

4. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là các công trình giao thông theo quy hoạch, phát triển thông tin, lưới điện.

II. Tăng cường quản lý đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư

1. Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hoàn thành quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã; quy hoạch chung xây dựng thị xã Tuyên Quang; quy hoạch thị trấn huyện lỵ Yên Sơn và các quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch; kiểm tra, rà soát, điều chỉnh kịp thời các quy hoạch không phù hợp với thực tế, thiếu tính khả thi, hiệu quả thấp (quy hoạch treo). Gắn kết chặt chẽ các mục tiêu chiến lược, quy hoạch với các nhiệm vụ giải pháp thực hiện; công khai quy hoạch, thu hút đầu tư.

2. Ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng; quản lý chất lượng công trình; cấp phép xây dựng; phân cấp quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Luật Xây dựng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 05/2006/CT-UBND ngày 25/5/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

3. Nâng cao trách nhiệm của người ra quyết định và thẩm định các dự án đầu tư; chỉ ra quyết định đầu tư khi xác định rõ nguồn vốn và trong phạm vi nguồn vốn được phân cấp, tránh việc phê duyệt vốn đầu tư vượt quá khả năng cân đối vốn; không bố trí vốn đầu tư cho các dự án không trong quy hoạch, kế hoạch hoặc không đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định.

4. Tăng cường công tác giám sát và đánh giá đầu tư; thực hiện giám sát ngay từ khâu lập dự án, thẩm định, bố trí vốn đầu tư, đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Triển khai công tác giám sát của cộng đồng đối với đầu tư bằng ngân sách nhà nước.

III. Phát triển các thành phần kinh tế

1. Tập trung thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; sắp xếp các nông, lâm trường theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã.

3. Cải cách quy trình, thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh và các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, khuyến khích phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; tư vấn, định hướng ngành nghề đối với các doanh nghiệp cho phù hợp.

C. ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, TÍN DỤNG

I. Đẩy mạnh thu ngân sách

1. Tổ chức thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu phát sinh trên địa bàn.

Căn cứ dự toán thu ngân sách được UBND tỉnh giao, UBND các huyện, thị xã trình HĐND cùng cấp phê chuẩn để giao chỉ tiêu thu cho xã, phường, thị trấn và đơn vị trực thuộc bảo đảm nguyên tắc: dự toán thu giao cho xã, phường, thị trấn và các đơn vị không được thấp hơn tổng số thu đã được UBND tỉnh giao cho huyện, thị xã; đồng thời phấn đấu thu vượt trên 5% so với dự toán được UBND tỉnh giao.

UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch đôn đốc xã, phường, thị trấn, các đơn vị tập trung thực hiện thu ngân sách ngay từ những tháng đầu năm. Chủ động hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các khoản thu cân đối ngân sách; nguồn thu huy động xây dựng cơ sở hạ tầng ở cơ sở; thu 5% quỹ đất công ích; phí, lệ phí.

UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm tổ chức quản lý toàn diện các nguồn thu ngân sách trên địa bàn đã được phân cấp. Tiếp tục thực hiện phân cấp các khoản thu thuế chuyển quyền sử dụng đất và thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh cho các xã, phường, thị trấn theo hình thức uỷ nhiệm thu. Đối với thu tiền sử dụng đất thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định tại Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của UBND tỉnh.

2. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán thu - chi cho các huyện, thị xã và các xã, phường, thị trấn; số thu ngân sách vượt dự toán giao (không kể số thu tiền sử dụng đất) được để lại 50% phục vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí các nhiệm vụ chi đột xuất và bổ sung nguồn dự phòng. Việc sử dụng số tiền thu vượt dự toán phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định hiện hành của nhà nước và của UBND tỉnh.

Đơn vị nào thu không đạt dự toán giao phải giảm chi tương ứng

3. Chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt các giải pháp tiêu thụ sản phẩm; thực hiện đồng bộ các giải pháp chống thất thu, trốn thuế, buôn lậu, gian lận thương mại; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ thu, nộp ngân sách của các đơn vị chống thất thu ngân sách;

Ngành Thuế chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp xử lý nợ đọng và chống thất thu theo Chỉ thị số 15/2005/CT-TTg ngày 15/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính trong hệ thống ngành Thuế từ tỉnh đến cơ sở.

II. Quản lý, điều hành ngân sách theo hướng đẩy mạnh phân cấp và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Nâng cao trách nhiệm và tính chủ động điều hành của UBND các huyện, thị, UBND các xã, phường, thị trấn; trực tiếp tổ chức, quản lý và chịu trách nhiệm toàn diện về nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách đã được phân cấp trên địa bàn.

2. Căn cứ Quyết định số 46/2006/QĐ-UBND ngày 21/8/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007, áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010 và các nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu, các đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã bố trí nguồn đảm bảo chi thực hiện đúng, đủ các chính sách, chế độ theo quy định và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ tự chủ, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp khai thác nguồn thu để tạo nguồn thực hiện lộ trình cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Các khoản chi nghiệp vụ, khoản chi không thực hiện tự chủ đã giao trong dự toán năm 2007, nếu thực hiện không hết, cơ quan Tài chính có trách nhiệm thu hồi về ngân sách Nhà nước theo quy định.

3. Trước ngày 30/9/2007, căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách, cơ quan Tài chính chủ động cân đối thu - chi, đề xuất việc bố trí, sắp xếp lại các khoản chi báo cáo Uỷ ban nhân dân cùng cấp xem xét, điều chỉnh nhiệm vụ chi ngân sách địa phương cho phù hợp với kết quả thu trên địa bàn theo quy định.

4. Các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí đào tạo công chức dự bị có trách nhiệm quyết toán hàng quý với cơ quan Tài chính. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định quyết toán nguồn kinh phí đào tạo công chức dự bị của các đơn vị và tổng hợp quyết toán năm theo quy định.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động bố trí nguồn trả nợ các khoản vay theo quy định; cân đối, bố trí nguồn vốn để ưu tiên thanh toán đối với các công trình đầu tư đã hoàn thành, các công trình chuyển tiếp và các công trình trọng điểm theo kế hoạch đã phê duyệt.

Kho bạc nhà nước Tuyên Quang chỉ đạo cấp phát, thanh toán vốn đầu tư bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Nếu để xảy ra chậm trễ hoặc gây phiền hà trong việc cấp phát, thanh toán vốn đầu tư, Giám đốc Kho bạc nhà nước Tuyên Quang chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

Các chủ đầu tư có trách nhiệm đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng theo kế hoạch. Đối với công trình thi công chậm hoặc chủ đầu tư không kịp thời lập các thủ tục đề nghị cấp phát, thanh toán vốn, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Kho bạc nhà nước Tuyên Quang báo cáo, trình UBND tỉnh điều chỉnh vốn sang công trình khác.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất được để lại theo quy định, các huyện, thị xã có kế hoạch bố trí đầu tư theo từng đầu điểm ngay từ đầu năm và tổ chức thực hiện đầu tư tương ứng với tiến độ thu; báo cáo UBND tỉnh kế hoạch và tiến độ đầu tư theo đúng quy định.

6. Việc đấu thầu, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán đã được giao tại Quyết định số 577/QĐ-UB ngày 11/12/2006 của UBND tỉnh phải hoàn thành trước 30/10/2007; trường hợp vì lý do khách quan mà không thực hiện bảo đảm thời hạn trên, các cơ quan, đơn vị phải báo cáo và được sự đồng ý của UBND tỉnh.

7. Trường hợp vì lý do khách quan phải điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2007 đã được giao hoặc chuyển nguồn kinh phí để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong năm 2008, các đơn vị dự toán phải lập văn bản đề nghị, gửi Sở Tài chính trước ngày 30/10/2007; giao Sở Tài chính tổng hợp, xem xét để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh trước ngày 10/11/2007.

Sau thời hạn trên, UBND tỉnh sẽ không xem xét giải quyết đề nghị của đơn vị. Khoản kinh phí sử dụng không hết, sẽ thu hồi về ngân sách theo quy định.

8. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, cơ chế quản lý quản lý tài chính, sử dụng tài sản nhà nước (ô tô, trụ sở, phương tiện làm việc...).

9. Sở Tài chính chủ trì cùng các ngành liên quan tăng cường đôn đốc thu hồi nợ Quỹ Hỗ trợ đầu tư phát triển của tỉnh; hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình cấp có thẩm quyền xử lý một số khoản nợ theo quy định.

10. Hàng tháng, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế và các ngành liên quan tổ chức giao ban về kết quả thu, chi ngân sách; thẩm định dự toán bồi thường các dự án; quyết toán các công trình xây dựng; quản lý giá cả.

III. Về sử dụng dự phòng ngân sách các cấp

1. Dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã tập trung chủ yếu chi cho công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và giải quyết các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

Các huyện, thị xã chủ động bố trí nguồn tăng thu trên địa bàn hàng năm để bổ sung dự phòng cho các nhiệm vụ trên địa bàn. Ngân sách tỉnh không bổ sung kinh phí phòng chống dịch gia cầm, gia súc và phòng chống thiên tai, hoả hoạn cho các huyện; trường hợp đặc biệt, phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh.

2. Hàng quý, cơ quan tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng quỹ dự phòng, báo cáo UBND để trình trình Thường trực HĐND cùng cấp; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp vào các kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

3. Hàng quý cơ quan Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng quỹ dự phòng cấp mình cho cơ quan Tài chính cấp trên theo quy định.

V. Về quản lý các chương trình mục tiêu

1. Các đơn vị, huyện, thị xã có trách nhiệm quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, các nhiệm vụ do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh bảo đảm kịp thời, đúng mục tiêu, nhiệm vụ và hiệu quả đối với từng chương trình.

2. Thời hạn hoàn thành việc đấu thầu, mua sắm từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu; điều chỉnh kế hoạch chương trình mục tiêu thực hiện theo khoản 6, khoản 7 (mục II, phần C).

3. Vốn Chương trình 135 giai đoạn II bố trí cơ cấu đầu tư phát triển hạ tầng 70%, dự án phát triển sản xuất 25%, dự án đào tạo cán bộ 5%. Tăng cường quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình 135.

4. Vốn Chương trình 134 năm 2007 phân bổ vốn cho các huyện; căn cứ kế hoạch vốn được UBND tỉnh phê duyệt và mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình 134, Chủ tịch UBND các huyện chịu trách nhiệm phân bổ theo các mục tiêu cho các xã trên địa bàn và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm đúng mục tiêu theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên bố trí vốn để bảo đảm về điều kiện phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân; thanh toán, quyết toán vốn theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Hàng quý, các cơ quan quản lý thực hiện chương trình mục tiêu, UBND các huyện, thị xã báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tình hình, kết quả thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các chương trình mục tiêu; hàng tháng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện.

VI. Tín dụng

1. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp tích cực, chủ động huy động nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của các dự án đầu tư, tăng dư nợ và tăng tỷ lệ cho vay trung hạn, dài hạn; tập trung cho vay đối với các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, các dự án công nghiệp, dự án trồng rừng nguyên liệu...

2. Chi nhánh Ngân hàng phát triển đẩy mạnh các hình thức tín dụng (cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư) theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

D. VĂN HÓA - XÃ HỘI, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Giáo dục và đào tạo

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đến năm 2010. Lập Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

2. Chuẩn bị tốt các điều kiện về sách giáo khoa, thiết bị dạy học; thực hiện có hiệu quả đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học; phát triển quy mô hợp lý giữa các bậc học, cân đối giữa phát triển giáo dục trung học phổ thông với giáo dục nghề nghiệp.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy và học ở các bậc học; rà soát, đánh giá, phân loại chất lượng giáo viên các bậc học; giải quyết chính sách cho số giáo viên nghỉ chế độ theo quy định.

4. Tổ chức có hiệu quả phong trào thi đua *"dạy tốt, học tốt"* và cuộc vận động *"nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục"*; theo Chỉ thị số 09/2006/CT-UBND ngày 06/10/2006 của UBND tỉnh.

5. Tiếp tục thực hiện "cơ chế mở" trong đào tạo tại các trường chuyên nghiệp của tỉnh; củng cố hệ thống cơ sở dạy nghề để bảo đảm dạy nghề cho số học sinh phân luồng sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

II. Y tế, dân số gia đình và trẻ em

1. Tập trung thực hiện quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh xã hội hoá y tế.

2. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình y tế với công tác dân số, gia đình và trẻ em. Chủ động phòng chống, không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn. Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở.

3. Nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, nhân dân các xã thuộc Chương trình 135 và các đối tượng theo quy định.

4. Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế, tăng tỷ lệ cán bộ y tế có trình độ tiến sỹ, thạc sỹ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II.

5. Đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; chủ động kiểm soát được dịch bệnh không để dịch xảy ra trên địa bàn tỉnh. Duy trì và giữ vững các thành quả về thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, loại trừ bệnh phong, khống chế và đẩy lùi bệnh sốt rét.

III. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao

1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch văn hoá trên địa bàn; dự án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá. Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động các nhà văn hoá trung tâm cụm xã, nhà văn hoá thôn, bản. Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hoá thông tin cơ sở đến năm 2010.

2. Đầu tư, đổi mới trang thiết bị, nâng chất lượng sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình. Hoàn thành đầu tư thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc; thiết bị máy phát sóng FM đài tỉnh; máy phát sóng FM và thiết bị sản xuất chương trình phát thanh tiếng dân tộc các đài huyện. Phối hợp với trung ương đầu tư tiếp sóng chương trình truyền hình VTV2.

3. Tiếp tục phát triển phong trào thể dục thể thao. Thực hiện quy hoạch phát triển thể dục thể thao đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

IV. Lao động, việc làm, giảm nghèo và các vấn đề xã hội

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Lao động - Việc làm giai đoạn 2006 - 2010. Củng cố hệ thống đào tạo nghề; nâng cao năng lực đào tạo nghề của Trường Kỹ nghệ Tuyên Quang. Kết hợp đào tạo nghề với công tác định hướng, tư vấn, giới thiệu việc làm; phát triển nhanh các ngành nghề thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, làng nghề.

2. Quy hoạch, thành lập các trung tâm dạy nghề cấp huyện; thành lập Trung tâm chữa bệnh, giáo dục - lao động xã hội.

3. Thực hiện tốt chương trình xuất khẩu lao động, phấn đấu xuất khẩu trên 3.000 lao động.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006-2010, giảm số hộ nghèo một cách vững chắc. Thực hiện Đề án xóa nhà ở dột nát, nhà tạm bợ cho hộ nghèo.

5. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh liệt sĩ.

6. Tổng kết 10 năm phòng chống ma tuý; đánh giá việc thực hiện Quy chế cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1218/QĐ-UB ngày 26/9/2000 của UBND tỉnh; nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp; xây dựng kế hoạch, biện pháp, chính sách phòng, chống ma tuý trong giai đoạn tới.

V. Khoa học, công nghệ và môi trường

1. Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ trong chọn lọc, khảo nghiệm, nhân giống cây trồng (giống lúa, ngô; cây chè, cây lâm nghiệp, cây ăn quả); các đề tài phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Vận hành có hiệu quả Website tỉnh Tuyên Quang.

2. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; làm tốt công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quy hoạch bãi rác trên địa bàn các huyện, thị xã; quy hoạch môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; quy hoạch khai thác tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2015.

3. Xây dựng Chương trình phát triển bền vững tỉnh Tuyên Quang (Chương trình Nghị sự 21); xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình thí điểm cấp cơ sở; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Phát triển bền vững cho cộng đồng.

E. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH; PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ; TƯ PHÁP; THANH TRA; QUỐC PHÒNG, AN NINH

I. Thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

1. Tiếp tục thực hiện có hiệ quả Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006-2010.

2. Các Sở, Ban, Ngành căn cứ chức năng quản lý nhà nước, nghiên cứu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh việc phân cấp quản lý theo hướng: đẩy mạnh phân cấp mạnh, đồng bộ cho các ngành, địa phương trong điều hành kinh tế - xã hội; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc UBND tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển, bố trí sắp xếp, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Sở Nội vụ chủ trì cùng các ngành liên quan trình UBND tỉnh cơ chế, chính sách thu hút cán bộ trẻ, giỏi về địa phương công tác.

Rà soát, giải quyết chính sách tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-CP ngày 06/02/2007 của Chính phủ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 tiếp tục thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2000, Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ cho đến khi có quy định mới của Chính phủ).

5. Các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế 'một cửa"; rà soát, xây dựng quy chế, cải tiến lề lối làm việc, chế độ họp; giảm giấy tờ, văn bản hành chính. Thực hiện tốt Kế hoạch xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

6. Tổ chức tốt bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XII, nhiệm kỳ 2007-2012.

7. Triển khai điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Tuyên Quang theo quy hoạch được phê duyệt; xây dựng phương án điều chỉnh địa giới hành chính một số xã thuộc huyện Sơn Dương, Yên Sơn để thành lập một huyện mới.

II. Phòng chống tham nhũng, lãng phí

1. Triển khai thực hiện tốt Chương trình số 06-CTr/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình hành động của thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãng đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bộ phận chuyên trách giúp việc Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện các quy định quản lý, định mức, tiêu chuẩn, nhất là lĩnh vực tài chính, đầu tư xây dựng, sử dụng tài sản nhà nước (ô tô, trụ sở, phương tiện làm việc,...), quản lý sử dụng đất đai, khoáng sản.

3. Kịp thời phát hiện, giải quyết dứt điểm những vụ việc tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xảy ra tham nhũng.

4. Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với Uỷ ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

III. Tư pháp, thanh tra

1. Tập trung thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Củng cố, kiện toàn các cơ quan bổ trợ tư pháp.

2. Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; làm tốt công tác hướng dẫn xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu phù hợp với các cam kết của Việt Nam, các điều ước, thông lệ quốc tế. Thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản; thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh bảo đảm tiến độ, chất lượng văn bản.

3. Thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010;

4. Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài. Thực hiện kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội đã phê duyệt, tập trung lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách, tài sản công, đất đai...

IV. Quốc phòng, an ninh

1. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2007; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ huyện Na Hang; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Yên Sơn.

2. Xây dựng đề án củng cố lực lượng dân quan tự vệ đến năm 2010; khảo sát xây dựng kho vũ khí, đạn.

3. Xây dựng và thực hiện đề án xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã đến năm 2010.

4. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên quản lý địa bàn, nắm chắc cơ sở, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Thực hiện tốt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội

5. Thực hiện có hiệu quả đề án đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Nghị quyết của HĐND tỉnh, quy định này và Chương trình công tác của Uỷ ban nhân dân tỉnh năm 2007, các Sở, Ban, Ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn để chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, các giải pháp cụ thể, quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm từng phần việc.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phải chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, Uỷ ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tăng cường kiểm tra cơ sở, phát hiện và giải quyết kịp thời những phát sinh vướng mắc thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh.

3. Định kỳ (hàng quý, 6 tháng và cả năm), Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã chủ động kiểm điểm tình hình thực hiện Quy định này thuộc trách nhiệm của đơn vị mình, báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy định này, định kỳ (hàng quý, 6 tháng và cả năm) báo cáo và kịp thời đề xuất, kiến nghị với Uỷ ban nhân dân tỉnh./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Thị Quang